

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9- 2026
*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Xuân và bà Mã Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2026/TLST-HNGĐ, ngày 24/6/2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị D**, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1979; số CCCD: 004179003245, cấp ngày 21/4/2022;

Địa chỉ: **xóm N, xã Q, tỉnh Cao Bằng;**

(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Đàm Văn Đ**, sinh ngày 24 tháng 01 năm 1979;

Nơi cư trú cuối cùng: **xóm N, xã Q, tỉnh Cao Bằng;**

(vắng mặt theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 02/2026/QĐST-DS ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2026 và các lời khai tại tiếp theo tại Tòa án, **nguyên đơn Triệu Thị D** trình bày: Chị và anh **Đàm Văn Đ** kết hôn với nhau trên

cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là xã Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng) vào ngày 07/6/2004.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 02 năm 2018 anh Đ nói là đi làm nhưng đã biệt tích không về nhà đến nay; sau khi gia đình tìm kiếm khắp nơi không có tin tức gì chị đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Đ mất tích và ngày 05/5/2026 Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã ra Quyết định tuyên bố anh Đàm Văn Đ mất tích, từ khi có Quyết định tuyên bố mất tích đến nay anh Đ cũng không trở về nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Đ và anh Đ có 02 con chung tên là Đàm Quang H, sinh ngày 16/01/2005 và Đàm Bảo K, sinh ngày 16/10/2009; cháu H đã trên 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị yêu cầu được nuôi cháu Đàm Bảo K và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Đàm Văn Đ, ngày 05/5/2026 Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã ra Quyết định tuyên bố anh Đ mất tích và tại biên bản xác minh ngày 23/7/2026 đối với Công an xã Q, tỉnh Cao Bằng cho biết: Từ khi Tòa án ra Quyết định tuyên bố anh Đàm Văn Đ mất tích đến nay anh Đ chưa trở về địa phương, không rõ hiện đang sinh sống ở đâu nên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng không thể triệu tập anh Đ để lấy lời khai và hòa giải được.

Con chung của chị Triệu Thị D và anh Đàm Văn Đ là cháu Đàm Bảo K, sinh ngày 16/10/2009 có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 4, 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí để giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Triệu Thị D được ly hôn với anh Đàm Văn Đ; về con chung: giao cháu Đàm Bảo K, sinh ngày 16/10/2009 cho chị Triệu Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị D tự nguyện

không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, vay nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị **D** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị **Triệu Thị D** yêu cầu giải quyết ly hôn với anh **Đàm Văn Đ**, nơi cư trú cuối cùng của anh **Đàm Văn Đ** là xóm N, xã Q, tỉnh Cao Bằng; căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

[2] Về tố tụng: Chị **Triệu Thị D** vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh **Đàm Văn Đ** vắng mặt theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 02/2026/QĐST-DS ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Triệu Thị D** và anh **Đàm Văn Đ** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng) vào ngày 07/6/2004. Việc anh, chị kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, được pháp luật công nhận hôn nhân hợp pháp tính từ ngày 07/6/2004.

Chị **D** xác định sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 2 năm 2018 anh **Đ** nói là đi làm nhưng đã biệt tích; sau khi gia đình tìm kiếm khắp nơi không có tin tức gì chị đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh **Đ** mất tích và ngày 05/5/2026 Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã ra Quyết định tuyên bố anh **Đàm Văn Đ** mất tích, từ đó đến nay anh **Đ** cũng không trở về nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh **Đ**.

Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Triệu Thị D** đối với anh **Đàm Văn Đ**.

[3.2] Về con chung: Chị **Triệu Thị D** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu **Đàm Bảo K**, sinh ngày 16/10/2009 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ ngày anh **Đ** bỏ nhà đi chị **D** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; nay chị **D** có yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân

và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu **Đàm Bảo K** nên được xem xét chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm giải quyết nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị **Triệu Thị D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị **Triệu Thị D** được ly hôn với anh **Đàm Văn Đ**.

2. Về con chung: Giao cháu **Đàm Bảo K**, sinh ngày 16/10/2009 cho chị **Triệu Thị D** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Chị **Triệu Thị D** tự nguyện không yêu cầu anh **Đàm Văn Đ** cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh **Đàm Văn Đ** có quyền thăm nom con chung không ai được phép cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Triệu Thị D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại

biên lai số 0000473, ngày 24/6/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng thu. Xác nhận chị **Triệu Thị D** đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THA dân sự kv3;
- UBND xã Quang Trung;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Thị Diệu